TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v: *"không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH–TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Nguyễn Thị Bé Nga
+ Ông Trần Văn Phước
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Kinh Luân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Số 343A, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961;
Địa chỉ: số 343A, ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
(Bà Th, ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu Thủy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L sống chung như vợ chồng từ năm 1989, hôn nhân do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà và ông Lượm xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã

nhưng vì lúc đó con còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn. Đến những năm gần đây và đỉnh điểm là trong năm 2023 mâu thuẫn càng trầm trọng, ông L nhậu về chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà và hâm dọa bà. Bà và ông L đã ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông L, bà yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà và ông L. Khi chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, bà không yêu cầu ông Lượm cấp dưỡng.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 13/8/1991, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Th sống chung như vợ chồng từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay bà Th yêu cầu không công nhận vợ chồng ông đồng ý. Ông không yêu cầu bà Th cấp dưỡng sau khi không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 13/8/1991, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị Thu Th là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Văn L hiện có địa chỉ nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Thủy, ông Lượm có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Bà Th, ông L cùng thống nhất khai cả hai tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2023, bà Th, ông L không còn hạnh

phúc và sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 đến nay. Nay bà Thủy, yêu cầu không công nhận vợ chồng, ông L cũng đồng ý.

Xét thấy theo xác nhận của Uỷ ban xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thể hiện: Qua trích lục sổ bộ đăng ký kết hôn tại UBND xã không có tên bà Lê Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn L. Căn cứ vào Điểm b, Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Tòa án không công nhận bà Thủy, ông Lượm là vợ chồng.

Bà Thủy, ông L không có yêu cầu cấp dưỡng cho nhau khi tòa không công nhận vợ chồng nên không xem xét.

[2.1] Về con chung: Bà Th, ông L có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 13/8/1991. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Hai bên cùng khai không có, nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu Th phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 28, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Ghi nhận bà Th, ông L không yêu cầu về cấp dưỡng cho nhau khi tòa không công nhận vợ chồng.

2.Về con chung: Bà Th, ông L có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 13/8/1991. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Hai bên cùng khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0003884 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Bà Th, ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười năm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phú An Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh